

証明書発給申請書(ベトナム国内提出用)
ĐƠN XIN CHỨNG NHẬN (nộp đến các cơ quan tại Việt Nam)

申請日 年 月 日
Ngày xin chứng nhận năm tháng ngày
在 ホーチミン日本国総領事 殿

申請者 Người xin chứng nhận	氏名 Họ tên	ローマ字 表記 (姓 Họ)	(名 Tên)
		漢字表記 (姓)	(名)
	生年月日 Ngày sinh	(大正・昭和・平成 年 月 日 năm tháng ngày)	電話番号 Điện thoại
	住所 Địa chỉ		
代理人 Người đại diện	氏名 Họ tên	(姓 Họ)	(名 Tên)
	住所 Địa chỉ	申請者と同	
			電話番号 Điện thoại

※代理申請の場合は申請者からの委任状が必要です。Người đại diện phải có giấy ủy quyền của người xin chứng nhận。
※婚姻要件具備、独身、旅券所持は代理申請できません。
Đối với chứng nhận Đủ tư cách kết hôn, Độc thân và Sở hữu hộ chiếu: không nộp đại diện.

申請する証明書の名称 Các loại chứng nhận

	証明書の名称 Các loại chứng nhận	必要部数 Số lượng
<input type="checkbox"/>	身分上の事項に関する証明 Tờ ghi (1) 出生 Tờ ghi (1) 離婚 Tờ ghi (2) Độc thân (通) Khai sinh (通) Ly hôn (通) 婚姻要件具備 ※ Tờ ghi (1) 婚姻 Tờ ghi (2) 死亡 Tờ ghi (2) Đủ tư cách kết hôn ※ (通) Kết hôn (通) Chứng tử (通)	Tổng cộng 通
	印章証明(日本官公署の公印) Chứng nhận con dấu (của cơ quan nhà nước Nhật) (通)	通
	印章証明(日本の学校等その他) Chứng nhận con dấu (các trường đại học Nhật) (通)	通
<input type="checkbox"/>	日本自動車運転免許抜粋証明 Tờ ghi (3) 旅券所持証明 ※ Bảng lái xe Nhật (通) Sở hữu hộ chiếu Nhật ※ (通)	通
<input type="checkbox"/>	その他の証明 Các chứng nhận khác (通)	Tổng cộng 通

● 申請の際、申請書及び該当する入力シートも提出して下さい。Vui lòng nộp Đơn xin chứng nhận kèm Tờ ghi nội dung phù hợp.

提出先及び申請理由 Nơi nộp và mục đích xin chứng nhận

● 以下の該当する事項に○をつけて下さい。Khoanh tròn mục phù hợp.

提出先 Nơi nộp	1. 労働局 Sở LĐTBXH 2. 法務局 Sở Tư Pháp 3. 税務局 Cục Thuế 4. 入管局 Cục QLXNC 5. 運輸局 Sở GTCC 6. 他国大使館・総領事館(国名:) Lãnh sự quán các nước tại VN (Quốc gia:) 7. その他 Cơ quan khác ()
申請理由 Mục đích xin chứng nhận	1. 労働許可書取得 Giấy phép lao động 2. 婚姻Kết hôn 3. 離婚 Ly hôn 4. 課税控除 Miễn giảm thuế 5. 運転免許取得 Bảng lái xe Việt Nam 6. 会社設立 Thành lập công ty 7. 会社登記・変更 Thay đổi điều lệ công ty 8. 滞在許可書取得・更新 Thẻ tạm trú 9. 他国長期滞在査証 Visa dài hạn các nước khác 10. その他 Khác ()

※証明書は、その発行から長い期間が経過すると、提出先によっては証明書の効力が失われてしまう場合がありますので、できるだけ早く受け取りを行うようお願いいたします。また、お引き取りのない証明書(提出された関係書類の原本を含む)は、3年間の保管期間が経過した後、廃棄されますのでご承知おき下さい。

※Các giấy chứng nhận có thể mất hiệu lực nếu không xuất trình cho các cơ quan chức năng sau thời gian dài kể từ ngày từ ngày cấp, vì thế, xin vui lòng đến nhận sớm các giấy chứng nhận. Ngoài ra, xin lưu ý rằng các giấy chứng nhận nếu không đến nhận (bao gồm bản gốc) sẽ bị hủy sau 3 năm lưu trữ.

私は、上記注に記載された事項について了承しました。
Tôi đã hiểu và đồng ý với các mục lưu ý như trên.

受付番号	
------	--

※ 在外公館記入欄 official use only

申請年月日	発行年月日	交付年月日	証明番号
			証第 - 号
			証第 - 号